

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT

Ngày 27-5-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo;

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ – ST, ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17A/2020/QĐ - PT ngày 28- 02- 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số:14A/2020/QĐ-PT, ngày 27-3-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18A/2020/QĐ-PT, ngày 27-4-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn NC, xã Đông M, huyện T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn NC, xã Đông M, huyện T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc Đ - Giám đốc phòng giao dịch khu vực Đ thuộc A (có mặt).

- Anh Đoàn Đức P, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, huyện T tỉnh Thái Bình.

- Anh Phạm Duy N, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bà Vũ Thị R, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn MC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Chị Bùi Thị Bích N, sinh năm 1970 và anh Lê Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Ngô Văn H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình

- Chị Tô Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã ĐC, huyện T, tỉnh Thái Bình

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện T vào ngày 13/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Chị đã phải bỏ nhà để thuê nhà ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T không quan tâm và có trách nhiệm với chị. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh Hoàng Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con chung là: Hoàng Hải A, sinh ngày 14-10-2010 và Hoàng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-12-2012. Ly hôn chị xin nuôi con Hoàng Hải A và đồng ý cho anh T nuôi con Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý với chị H về điều kiện kết hôn cũng như hoàn cảnh kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Quan điểm của anh đồng ý xin ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có hai con chung là Hoàng Hải A, sinh ngày 14-10-2010 và Hoàng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-12-2012. Quan

điểm của anh xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 26-7-2019, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung gồm: Nợ vợ chồng anh Lê Văn H, sinh năm 1970 và chị Bùi Thị Bích N, sinh năm 1970, đều cư trú: thôn Đ, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình số tiền 30.000.000đ, vay mục đích để trả nợ lãi cao cho anh Đoàn Đức P, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn TL, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị H có biết về khoản vay nợ trên. Đến nay vẫn còn nợ anh H, chị N 30.000.000đ. Khi vay không có giấy tờ biên nhận gì, vay tháng 11-2028. Nợ chị Tô Thị L, sinh năm 1960, nơi cư trú: thôn TC, xã ĐC, huyện T, tỉnh Thái Bình (là dì ruột anh) số tiền 60.000.000đ. Vay để nuôi thả ngao. Chị H biết về khoản vay nợ trên. Khi vay không có giấy biên nhận. Vay lãi suất 1,5/01 năm. Hiện nay vẫn còn nợ 60.000.000đ, thời điểm vay năm 2009. Nợ anh Đoàn Đức P, sinh năm 1976, nơi cư trú: thôn TL, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình là khoản tiền nợ vật liệu xây dựng đầm số tiền 27.540.000đ, có hóa đơn mua hàng, nợ vật liệu vào thời điểm năm 2018. Nợ anh Ngô Văn H, sinh năm 1975, nơi cư trú: thôn NC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình, nợ tiền công xây dựng đầm là 10.000.000đ, không có giấy nhận nợ, nợ thời điểm 2018. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đ huyện T, tỉnh Thái Bình số tiền 200.000.000đ, vay từ tháng 4/2019, vay mục đích nuôi thả ngao, lãi suất 10,5%. Hiện nay vẫn còn nợ gốc 200.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 18-11-2019 là 2.761.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 202.761.644đồng.

Tổng cộng anh T yêu cầu Tòa án giải quyết 05 khoản nợ chung là 330.301.644 đồng

Đối với khoản nợ của anh Phạm Duy N, ngày 29-10-2019, anh đã trả anh Phạm Duy N số tiền vay là 10.000.000đ, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền trên của anh Phạm Duy N.

Đối với khoản nợ của bà Vũ Thị R, ngày 29-10-2019, anh đã trả nợ bà Vũ Thị R số tiền là 30.000.000đ, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền trên của bà Vũ Thị R.

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh huyện T, tỉnh Thái Bình, phòng giao dịch ĐL: Anh T và chị H có vay tiền của Ngân hàng từ thời điểm năm 2015, sau một năm anh T lại tất toán toàn bộ khoản nợ. Đến ngày 11-4-2019, anh T trả hết số nợ cũ và vay lại số nợ mới với số tiền gốc là 200.000.000đ, lãi suất 10,5%/01 năm, thời hạn vay là 02 năm. Vay thế chấp tài sản của bà Tô Thị N (mẹ đẻ anh T), bà N ủy quyền để anh T thế chấp tài sản của bà N để vay Ngân hàng, chị H ký ủy quyền cho anh T đại diện gia đình đứng lên vay vốn. Tài sản thế chấp gồm nhà và 1046 m² đất (gồm đất ở, đất ao, đất vườn) nằm thửa đất 148, 149 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H532297, tại địa chỉ xóm 9, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình mang tên bà Tô Thị N. Anh T trực tiếp trả lãi đều hàng tháng. Quan điểm của Ngân hàng yêu cầu Tòa án khi giải quyết buộc anh T và chị H phải trả Ngân hàng số tiền gốc là

200.000.000đồng, lãi trong hạn 2.761.644đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 202.761.644 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tô Thị L trình bày: Chị có cho vợ chồng anh T vay số tiền gốc là 60.000.000đồng. Vào năm 2009, vay có thỏa thuận theo lãi Ngân hàng, chị cho anh T vay bằng miệng, không có giấy biên nhận, anh T đã thanh toán trả xong tiền lãi. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T phải trả chị 60.000.000đồng tiền gốc và không yêu cầu trả lãi suất.

Ý kiến của chị Bùi Thị Bích N: Chị đã từng cho anh T vay 30.000.000đồng, khi vay bằng miệng không có giấy biên nhận, nay vợ chồng anh T ly hôn, chị đề nghị vợ chồng anh T, chị H trả chị số tiền nợ gốc 30.000.000đồng.

Ý kiến của anh Đoàn Đức P: Anh có cho anh T nợ tiền vật liệu xây dựng đầm là 27.540.000đồng. Khi mua vật liệu có hóa đơn bán hàng. Quan điểm của anh yêu cầu buộc vợ chồng anh T phải trả anh số tiền trên là 27.540.000đồng và không yêu cầu trả lãi suất của số tiền trên.

Ý kiến của anh Ngô Văn H: Vợ chồng anh T nợ tiền công xây dựng đầm của anh là 10.000.000đồng. Quan điểm của anh yêu cầu vợ chồng anh T phải trả nợ anh số tiền 10.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi suất của số tiền trên.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị H trình bày: Đối với khoản nợ của Ngân hàng 200.000.000đồng anh T vay từ ngày 11-4-2019, đến đầu tháng 5-2019, vợ chồng chị xảy ra trục trặc, chị không hề sử dụng gì đến số tiền 200.000.000đồng và cũng không biết việc anh T lấy số tiền 200.000.000đồng sử dụng vào việc gì. Về việc Ngân hàng nói chị viết giấy ủy quyền cho anh T thì chị đã trình bày bằng văn bản và nộp cho Tòa án. Đối với khoản nợ của chị L 60.000.000đồng, chị L cho anh T vay từ năm 2009 nhưng đến năm 2010, chị và anh T mới cưới nhau nên chị không thừa nhận về khoản nợ trên. Về khoản nợ của chị N 30.000.000đồng, anh T vay của chị N, chị không biết, anh T không nói với chị do đó chị không thừa nhận là nợ chung vợ chồng và khoản nợ trên không có giấy biên nhận nên chị không thừa nhận. Đối với khoản nợ của anh H, chị cũng không thừa nhận vì cũng không có giấy biên nhận nợ. Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh T chưa bao giờ đưa tiền cho chị chi phí trong gia đình. Đối với khoản nợ của anh P thì thời điểm ban đầu anh T khai là 27.000.000đồng, đến hôm nay anh P lại khai 27.540.000đồng theo chị khai như thế là không khớp, và việc mua vật liệu xây dựng vào gia đình thì giờ anh T đã sử dụng, chị ly hôn anh T không mang theo thứ tài sản gì của gia đình nên chị không thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Đối với khoản nợ của bà Vũ Thị R 30.000.000đồng chị không biết, bà R là mối quan hệ với mẹ chồng chị nên chị không thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Đối với khoản nợ anh N 10.000.000đồng, anh T khai mua máy nổ của anh Phạm Duy N, chị không biết về khoản nợ này nên chị cũng không thừa nhận là nợ chung vợ chồng.

Bản án sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 59, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Hải A, sinh ngày 14-10-2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung Hoàng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24-12-2012 cho anh Hoàng Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung. Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

3.1 Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Ngọc T về nợ chung của vợ chồng là: 240.301.644 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu ba trăm linh một nghìn sáu trăm bốn mươi tư đồng).

3.2 Anh Hoàng Ngọc T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam các khoản sau: Số tiền nợ gốc là 200.000.0000 đồng. Lãi trong hạn đến ngày 18-11-2019 là: 2. 761.644 đồng. Tổng cộng là 202.761.644 đồng (Hai trăm linh hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi tư đồng).

3.3 Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ anh Đoàn Đức P, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn Thanh Lâm, xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình là 27.540.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và anh Ngô Văn H, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn NC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3.4 Chị Nguyễn Thị H trả lại cho anh Hoàng Ngọc T số tiền nợ chung của vợ chồng là 82.610.822. đồng (Tám mươi hai triệu sáu trăm mười nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

3.5 Không chấp nhận yêu cầu của anh T về nợ chung của vợ chồng là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3.6 Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của anh Hoàng Ngọc T đối với khoản nợ là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của bà Vũ Thị R và khoản nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) của anh Phạm Duy N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-11-2019 chị Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm về phần tài sản, ngày 11-3-2020 chị Nguyễn Thị H có đơn bổ sung kháng cáo, nội dung đơn trình bày: Vợ, chồng còn có ao nuôi trồng thủy sản tại xã ĐM, làm mới 01 nhà

tắm và nhà vệ sinh, xây mới 01 bể nổi phục vụ nuôi trồng thủy sản; 01 tivi LG 24 in; 02 máy hút cát, phao, ống hút cát; 02 máy bơm nước, máy sủi, quạt nước; 01 máy phát điện; 01 bếp ga; vợ, chồng còn nợ các khoản, nợ cô ruột chị H là bà Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng vay năm 2015, nợ em trai chị H là anh Nguyễn Quang H 58.000.000 đồng vay từ năm 2017, nợ em gái chị H là chị Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng vay từ năm 2017, anh T còn tự ý lấy 01 xuất phường của vợ, chồng là 40.000.000 đồng vào tháng 10-2019, chủ phường là bà Phan Lan P ở xã ĐM, huyện T hiện anh T đang quản lý số tiền này, chị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần quan hệ tài sản của bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm, quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đảm bảo đúng quy định pháp luật, sau khi phân tích nội dung kháng cáo của bị đơn và tại phiên tòa phúc thẩm anh Hoàng Ngọc T và anh Ngô Văn H đã thỏa thuận với nhau chuyển khoản nợ 10.000.000đ mà anh T, chị H nợ anh H để anh T trực tiếp trả nợ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao anh T trực tiếp trả khoản nợ 10.000.000đ của anh Ngô Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như chị Trần Thị L (vợ anh Đoàn Đức P), ông Vũ Văn T (chồng bà Tô Thị L); ông Vũ Văn T (chồng bà Tô Thị L); chị Cao Thị H (vợ anh Ngô Văn H); chị Đào Thị G (vợ anh Phạm Duy N) và bà Tô Thị N (mẹ đẻ của bị đơn anh Hoàng Ngọc T, người đã dùng tài sản của mình để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Tiền Hải, Phòng giao dịch Đông Lâm, tài sản là quyền sử dụng 1.046 m² đất, tại số thửa 149 và 148, tờ bản đồ số 07, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 532297 do Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải cấp ngày 11-7-1996 mang tên bà Tô Thị N) là làm thiệt hại đến quyền tố tụng dân sự của họ.

[2] Khi xem xét các yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định yêu cầu của họ là yêu cầu độc lập trong vụ án và không thông báo ngay cho họ biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí là vi phạm Điều 195; Điều 201 và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Những thiếu sót trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ và chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, hủy một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại về phần tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Do, hủy một phần bản án sơ thẩm vì vi phạm thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử không xem xét phần nội dung của bản án sơ thẩm có kháng cáo.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận, chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 0009313 ngày 28-11-2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải. Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 9.000.000 đồng mà anh Hoàng Ngọc T đã nộp, tại biên lai thu số 0009202, ngày 01-8-2019 sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết lại về phần tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST, ngày 18-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình về “*Quan hệ tài sản*” đã xét xử trong vụ án tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” giữa: Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình và bị đơn: Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Thôn NC, xã ĐM, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết lại về phần “*Quan hệ tài sản*” theo thủ tục sơ thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Áp dụng Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận, chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại chị Nguyễn Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 0009313 ngày 28-11-2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải. Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 9.000.000 đồng mà anh Hoàng Ngọc T đã nộp, tại biên lai thu số 0009202, ngày 01-8-2019 sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết lại về phần tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS h. Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Bằng